Người ký: Phòng Giáo dục và Đào tạo
Cơ quan: Huyện Điện Biên

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:185/QĐ- PGDĐT

Điện Biên, ngày 18 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v Thu hồi dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 4383/QĐ-UBND, ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên về việc phê duyệt phân bổ chi tiết dự toán chi cho sự nghiệp giáo dục năm 2023;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán Phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2023 của các đơn vị trực thuộc, tăng dự toán chi thường xuyên Phòng giáo dục để thực hiện trích lập quỹ thi đua khen thưởng cho các trường trực thuộc năm học 2022-2023:

1. Thu hồi dự toán các trường: **1.578.060.000 đồng**
2. Tăng dự toán Phòng Giáo dục: **1.578.060.000 đồng**

(có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu hồi, Hiệu trưởng các trường trực thuộc, bộ phận kế toán Phòng có trách nhiệm quản lý và thanh quyết toán nguồn kinh phí được giao theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; Hiệu trưởng các trường trực thuộc, Bộ phận kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Phòng TC-KH huyện;
- Kho bạc Nhà nước huyện;
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
H. ĐIỆN BIÊN - T. ĐIỆN BIÊN

Đặng Quang Huy

Scanned with CamScanner

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN
PHÒNG GD&ĐT

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo QĐ số 185/QĐ-PGDĐT ngày 18/8/2023 của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên)

Stt	Tên trường	Mã QHNS	Tăng KP Phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên	Giảm KP các trường	Ghi chú
I	**Cấp MN - 071**		**567.900.000**	**567.900.000**	
1	Trường MN Thanh Luông	1096016		28.260.000	
2	Trường MN Thanh Hưng	1096018		28.800.000	
3	Trường MN Thanh Chăn	1096017		28.800.000	
4	Trường MN Thanh Yên	1096019		19.800.000	
5	Trường MN Số 2 Thanh Yên	1096021		22.140.000	
6	Trường MN Thanh An	1096024		27.000.000	
7	Trường MN Thanh Xương	1096023		34.380.000	
8	Trường MN Noong Luống	1096022		28.260.000	
9	Trường MN Noong Hẹt	1096025		23.040.000	
10	Trường MN Hoàng Công Chất	1096026		18.180.000	
11	Trường MN Pom Lót	1096027		23.760.000	
12	Trường MN Thanh Nưa	1096014		23.760.000	
13	Trường MN xã Sam Mứn	1099344		24.840.000	
14	Trường MN Mường Pồn	1096031		21.420.000	
15	Trường MN Số 2 Mường Pồn	1115199		15.840.000	
16	Trường MN Hua Thanh	1098031		23.220.000	
17	Trường MN Núa Ngam	1096032		26.460.000	
18	Trường MN Hẹ Muông	1105672		19.800.000	
19	Trường MN Na Ư	1096034		15.300.000	
20	Trường MN Pa Thơm	1096033		14.220.000	
21	Trường MN Mường Nhà	1096035		20.340.000	
22	Trường MN Pu Lau	1115256		14.040.000	
23	Trường MN Số 1 Na Tông	1099365		18.720.000	
24	Trường MN Số 2 Na Tông	1115198		15.840.000	
25	Trường MN Mường Lói	1096036		15.840.000	
26	Trường MN Phu Luông	1115261		15.840.000	

Scanned with CamScanner

Phụ lục số 01

THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CÁC TRƯỜNG NĂM 2023; TĂNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2023.

(Kèm theo Quyết định số 185 /QĐ-PGD&ĐT,ngày 18 /8/2023 của Trưởng phòng GD&ĐT

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thu hồi dự toán các trường	Tăng dự toán Phòng GD&ĐT
Dự toán chi ngân sách nhà nước	**1.578.060.000**	**1.578.060.000**
Kinh phí nhiệm vụ chi thường xuyên	**1.578.060.000**	**1.578.060.000**
Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên		
1. Sự nghiệp giáo dục mầm non (loại 070-071)	**567.900.000**	**567.900.000**
1.1 Kinh phí nhiệm vụ chi thường xuyên	567.900.000	567.900.000
1.2 Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên		
2. Sự nghiệp giáo dục tiểu học (loại 070-072)	**552.600.000**	**552.600.000**
2.1 Kinh phí nhiệm vụ chi thường xuyên	552.600.000	552.600.000
2.2 Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên		
3. Sự nghiệp giáo dục THCS (loại 070-073)	**457.560.000**	**457.560.000**
3.1 Kinh phí nhiệm vụ chi thường xuyên	457.560.000	457.560.000
3.2 Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên		

Scanned with CamScanner

Stt	Tên trường	Mã QHNS	Tăng KP Phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên	Giảm KP các trường	Ghi chú
	Phòng Giáo dục-071	1034823	567.900.000		
II	**Cấp tiểu học: 072**		**552.600.000**	**552.600.000**	
1	Trường PTDTBT TH Mường Pồn	1095990		24.840.000	
2	Trường TH Số 2 Mường Pồn	1099345		20.340.000	
3	Trường TH Thanh Nưa	1095974		19.260.000	
4	Trường TH Hua Thanh	1095996		29.340.000	
5	Trường TH Thanh Luông	1096001		29.340.000	
6	Trường TH Thanh Hưng	1096006		33.840.000	
7	Trường TH Thanh Chăn	1096005		24.480.000	
8	Trường TH xã Thanh Yên	1095998		34.380.000	
9	Trường TH Noong Luống	1096004		30.960.000	
10	Trường TH Noong Hẹt	1095984		22.500.000	
11	Trường TH Hoàng Công Chất	1095982		18.720.000	
12	Trường TH xã Pom Lót	1095980		33.120.000	
13	Trường TH Yên Cang xã Sam Mứn	1095983		16.020.000	
14	Trường TH Thanh An	1095986		32.040.000	
15	Trường TH Số1 Thanh Xương	1095987		18.000.000	
16	Trường TH Số 2 Thanh Xương	1095995		20.340.000	
17	Trường TH Núa Ngam	1096000		25.740.000	
18	Trường PTDTBT TH Hẹ Muông	1095993		21.780.000	
19	Trường PTDTBT TH Mường Nhà	1095988		35.460.000	
20	Trường PTDTBT TH Số 1 Na Tông	1095989		24.300.000	
21	Trường PTDTBT TH Số 2 Na Tông	1096009		17.460.000	
22	Trường PTDTBT TH Mường Lói	1095979		20.340.000	
	Phòng Giáo dục-072	1034823	552.600.000		
III	**Cấp THCS- 073**		**457.560.000**	**457.560.000**	
1	Trường THCS Thanh Luông	1095946		20.340.000	
2	Trường THCS Thanh Hưng	1095948		23.220.000	
3	Trường THCS Thanh Chăn	1095947		23.760.000	
4	Trường THCS Thanh Yên	1095949		24.840.000	
5	Trường THCS Thanh An	1095952		25.380.000	

Scanned with CamScanner